TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/DS-ST
Ngày: 19-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Tạo.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hồng T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Ngọc H *trình bày*:

Bà và ông Lê Hồng T là chỗ quen biết nhau. Vào ngày 13/6/2023, bà có cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay ông T nói sử dụng cá nhân. Khi vay hai bên có lập giấy nợ ngày 13/6/2023, toàn bộ nội dung trong giấy nợ do ông T viết, sau đó ông T ký tên viết họ tên tại vị trí bên mượn trong giấy nợ này. Cùng ngày 13/6/2023 bà đã giao số tiền vay 100.000.000 đồng cho ông T trực tiếp nhận. Để làm tin thì ông T có giao cho bà giữ 01 xe nhãn hiệu

Honda, số loại SH150, số máy KN42E0004088, số khung RLHKF4204KY004018, màu sơn xám đen, biển số 62L1-93848 tên chủ xe là Lê Hồng T; 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 62 000672 đứng tên Lê Hồng T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 13 Promax, không có gắn sim số. Hiện tại các tài sản này bà vẫn đang giữ. Theo nội dung trong giấy nợ ngày 13/6/2023 thì hai bên không có thỏa thuận thời gian trả vốn và cũng không có ghi thỏa thuận lãi suất nhưng ông T có nói miệng với bà mượn đỡ thời gian ngắn và hứa mỗi tháng trả lãi 2%/tháng. Tuy nhiên từ đó đến nay ông T cũng không có trả lãi cho bà khoản tiền nào. Đến ngày 28/3/2024, bà có gặp ông T yêu cầu ông T trả tiền vay nhưng ông T lại hứa hẹn và ông T viết cho bà 01 giấy nợ tiền hứa từ nay 28/3/2024 đến 10/4/2024 trả tiền lại cho bà. Nhưng hết thời hạn ông T cũng không trả tiền cho bà. Bà nhiều lần liên hệ nhưng ông T cố tình trốn tránh. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền vay vốn là 100.000.000 đồng. Về tiền lãi trong đơn khởi kiện trước đây bà yêu cầu ông T trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng từ ngày cho vay 13/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nay bà xin thay đổi yêu cầu về phần tiền lãi bà tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi chậm trả thực hiện khi có đơn yêu cầu thi hành án. Bà chỉ yêu cầu một mình cá nhân ông T chịu trách nhiệm trả nợ cho bà, không yêu cầu trách nhiệm trả nợ của vợ hay thành viên nào khác trong gia đình ông T.

Đồng thời, bà tự nguyện trả lại cho ông Lê Hồng T: 01 xe nhãn hiệu Honda, số loại SH150, số máy KN42E0004088, số khung RLHKF4204KY004018, màu sơn xám đen, biển số 62L1-93848 tên chủ xe là Lê Hồng T; 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 62 000672 đứng tên Lê Hồng T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 13 Promax, không có gắn sim số.

Bị đơn ông Lê Hồng T đã được Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết thông báo các văn bản tố tụng nhưng ông T không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày có cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng đồng thời có cung cấp giấy nợ ngày 13/6/2023 nội dung bên vay là ông Lê Hồng T vay số tiền 100.000.000 đồng có chữ ký của ông T. Ông T không đến tham gia giải quyết vụ án, không có ý kiến văn bản phản đối với yêu cầu của khởi kiện của bà H, nên yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tiền lãi bà H yêu cầu trả lãi từ ngày vay với lãi suất 1% tháng xét thấy phù hợp nên đề nghị chấp nhận. Bà H tự nguyện trả lại cho ông T 01 xe nhãn hiệu Honda, số loại SH150, số máy KN42E0004088, số khung RLHKF4204KY004018, màu sơn xám đen, biển số 62L1-93848 tên chủ xe là Lê Hồng T; 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 62 000672 đứng tên Lê Hồng T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 13 Promax, không có gắn sim số đề nghị HĐXX ghi nhận.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quyền khởi kiện:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa bà Lê Ngọc H với ông Lê Hồng T thông qua giấy tay " Giấy nợ tiền" là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Lê Hồng T có địa chỉ cư trú tại ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An nên khi bà H có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Căn cứ theo giấy nợ ngày 13/6/2023 do nguyên đơn cung cấp không thể hiện thời hạn vay, tuy nhiên nguyên đơn trình bày đến ngày 28/3/2024 hai bên có lập giấy nợ tiền thể hiện "từ nay 28/03/2024 tới ngày 10/4/2024...trả lại tiền cho bà Lê Ngọc H". Như vậy, xác định quan hệ vay tiền giữa bà H và ông T là hợp đồng vay có thời hạn, ngày 11/4/2024 bà H nộp đơn khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện.

[1.3] Bị đơn ông Lê Hồng T được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Về chứng cứ, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn ông Lê Hồng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà H trình bày có cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng cá nhân. Khi vay hai bên có lập giấy nợ ngày 13/6/2023, toàn bộ nội dung trong giấy nợ do ông T viết, sau đó ông T ký tên viết họ tên tại vị trí

bên mượn trong giấy nợ này. Cùng ngày 13/6/2023 bà đã giao số tiền vay 100.000.000 đồng cho ông T trực tiếp nhận. Để làm tin thì ông T có giao cho bà giữ 01 xe nhãn hiệu Honda, số loại SH150, số máy KN42E0004088, số khung RLHKF4204KY004018, màu sơn xám đen, biển số 62L1-93848 tên chủ xe là Lê Hồng T; 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 62 000672 đứng tên Lê Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 13 Promax, không có gắn sim số. Đến ngày 28/3/2024, bà H có gặp ông T1 yêu cầu ông T1 trả tiền vay nhưng ông T1 lại hứa hẹn và ông T1 viết cho bà H 01 giấy nợ tiền hứa từ nay 28/3/2024 đến 10/4/2024 trả tiền lại cho bà. Nhưng hết thời hạn ông T1 cũng không trả tiền cho bà H.

Căn cứ vào giấy nợ ngày 13/6/2023 và giấy nợ tiền ngày 28/3/2024, thể hiện bên mượn là ông Lê Hồng T vay số tiền 100.000.000 đồng, cuối giấy nợ có chữ ký tên và viết họ tên Lê Hồng T.

Ông T được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông T phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H đối với việc yêu cầu ông Lê Hồng T có trách nhiệm trả số tiền vay là 100.000.000đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Bà H xác định yêu cầu tính lãi suất 1% kể từ ngày vay 13/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ theo giấy nợ ngày 13/6/2023 các bên không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, xác định lãi suất 10%/năm. Căn cứ theo giấy nợ tiền ngày 28/3/2024 các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lãi suất 1% tháng là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đồng thời có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được xác định từ ngày 13/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2024) là: 100.000.000 đồng x 1%/tháng x 15 tháng 6 ngày = 15.200.000 đồng.

[2.3] Bà H trình bày chỉ yêu cầu cá nhân ông T trả nợ, không yêu cầu vợ ông T hay thành viên nào khác trong gia đình phải liên đới hoàn trả số nợ trên nên chỉ buộc ông T có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

[2.4] Ghi nhận việc bà H tự nguyện trả lại cho ông T 01 xe nhãn hiệu Honda, số loại SH150, số máy KN42E0004088, số khung RLHKF4204KY004018, màu sơn xám đen, biển số 62L1-93848 tên chủ xe là Lê Hồng T; 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 62 000672 đứng tên Lê Hồng T; 01 điện thoại di động tên iPhone, tên kiểu máy

iPhone 13 Promax, số máy MLL93VN/A, Số sê-ri KYF611FDKJ, Số IMEI 358406643844712, Số IMEI2 358406643961474, không có gắn sim số.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà H. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H.

[5] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc H đối với bị đơn ông Lê Hồng T về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc ông Lê Hồng T có trách nhiệm trả cho bà Lê Ngọc H số tiền vay là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng và tiền lãi là 15.200.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 115.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hánh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ghi nhận việc bà Lê Ngọc H tự nguyện trả lại cho Lê Hồng T: 01 xe (mô tô, gắn máy) nhãn hiệu Honda, số loại SH150, số máy KN42E0004088, số khung RLHKF4204KY004018, màu sơn xám đen, biển số 62L1-93848 tên chủ xe là Lê Hồng T; 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 62 000672 đứng tên Lê Hồng T; 01 điện thoại di động tên iPhone, tên kiểu

máy iPhone 13 Promax, số máy MLL93VN/A, Số sê-ri KYF611FDKJ, Số IMEI 358406643844712, Số IMEI2 358406643961474, không có gắn sim số.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.760.000đồng. Hoàn trả cho bà Lê Ngọc H 3.000.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010667 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền